ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Lâm Anh Bình

HỆ THỐNG VOIP AN TOÀN VỚI CHUẨN BẢO MẬT H.235

LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC MÁY TÍNH

Thái Nguyên – 2012

Số hóa bởi Trung tâm Học liệu – Đại học Thái Nguyên *http://www.lrc-tnu.edu.vn*

LỜI CẢM ƠN

Luận văn này được hoàn thành tại trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông - Đại học Thái Nguyên. Dưới sự hướng dẫn của PGS.TS Nguyễn Văn Tam. Tác giả xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới PGS.TS Nguyễn Văn Tam, người đã tận tình giúp đỡ, hướng dẫn tác giả hoàn thành luận văn này.

Với tình cảm chân thành và lòng biết ơn sâu sắc, cho phép tôi gửi lời cảm ơn đến các thầy cô giáo trong trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông - Đại học Thái Nguyên, các Thầy giáo của Viện Công nghệ Thông tin, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam đã tham gia quản lý, giảng dậy và giúp đỡ tác giả trong suốt quá trình học tập, nghiên cứu và làm luận văn.

Tôi xin chân thành cảm ơn sự ủng hộ, động viên giúp đỡ của Ban giám hiệu và các đồng nghiệp Trường Trung cấp nghề Cao Bằng.

Xin chân thành cảm ơn anh chị em học viên lớp CAO HỌC K9A đã giúp đỡ, động viên, khích lệ tác giả trong quá trình học tập và nghiên cứu.

Trong quá trình nghiên cứu, do khả năng có hạn và kinh nghiệm thực tế còn ít nên không tránh khỏi thiếu sót. Kính mong sự chỉ dẫn và góp ý của các thầy giáo, các bạn đồng nghiệp để công trình nghiên cứu tiếp theo được tốt hơn.

Thái Nguyên, tháng 11 năm 2012

Tác giả

Lâm Anh Bình

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đề tài của này là do chính bản thân Tôi thực hiện, với sự hướng dẫn của PGS.TS Nguyễn Văn Tam. Các dữ liệu, thông tin được thu thập từ những nguồn hợp pháp, nội dung nghiên cứu và kết quả trong đề tài này là trung thực.

Thái Nguyên, tháng 11 năm 2012

Tác giả

Lâm Anh Bình

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Stt	Chữ viết tắt	Diễn giải	Ý nghĩa
1	**AES**	Advanced Encryption System	Hệ thống mã hóa nâng cao
2	**ARC**	Admission Confirm	Xác nhận nhập
3	**ARJ**	Admission Reject	Từ chối nhập
4	**ARP**	Address resolution protocol	Giao thức phân giải địa chỉ
5	**ARQ**	Admission Request	Yêu cầu nhập
6	**ATM**	Asynchronous Transfer Mode	Phương thức truyền không đồng bộ
7	**BCF**	Bandwidth Confirm	Xác nhận băng thông
8	**BRJ**	Bandwidth Reject	Từ chối băng thông
9	**BRQ**	Bandwidth Request	Yêu cầu băng thông
10	**DoS**	Denial of Service	Từ chối dịch vụ
11	**ETSI**	European Telecommunications Standards Institute	Viện Tiêu chuẩn Viễn thông châu Âu
12	**HTTP**	Hypertext Transfer Protocol	Giao thức truyền siêu văn bản
13	**IETF**	Internet Engineering Task Force	Tổ chức làm nhiệm vụ kỹ thuật về Internet
14	**IP**	Internet Protocol	Giao thức Liên mạng
15	**ISDN**	Integrated Service Digital Network	Dịch vụ tích hợp mạng kỹ thuật số
16	**ITU**	International Telecommunication Union	Liên minh Viễn thông quốc tế

17	**MAC**	Media Access Control	Kiểm soát truy cập phương tiện truyền thông
18	**MGCP**	Media Gateway Control Protocol	Giao thức điều khiển cổng đa phương tiện
19	**NAT**	Network address translation	Dịch địa chỉ mạng
20	**PBX**	Private Branch Exchange	Tổng đài Nhánh Riêng
21	**PSTN**	Public Switched Telephone Network	Mạng điện thoại chuyển mạch kênh
22	**QoS**	Quality of Service	Chất lượng dịch vụ
23	**RAS**	Remote Access Services	Dịch vụ truy cập từ xa
24	**RR**	Receive Report	Nhận báo cáo
25	**RTCP**	Real Time Control Protocol	Giao thức điều khiển thời gian thực
26	**RTP**	Real Time Transport Protocol	Giao thức thời gian thực
27	**SDES**	Source Description Items	Mục Mô tả nguồn
28	**SDP**	Session Description Protocol	Giao thức mô tả phiên
29	**SIP**	Session Initiation Protocol	Giao thức phiên khởi đầu
30	**SR**	Sender Report	Gửi báo cáo
31	**TCP**	Transmission Control Protocol	Giao thức điều khiển truyền vận
32	**TIA**	Telecommunications Industry Association	Hiệp hội Công nghiệp Viễn thông
33	**TLS**	Transport layer security	An ninh lớp vận chuyển
34	**UA**	User Agents	Đại diện người dùng
35	**UAC**	User Agent Client	Đại diện người dùng khách
36	**UAS**	User Agent Server	Đại diện người dùng chủ
37	**UDP**	User Datagram Protocol	Giao thức gói dữ liệu người dùng

38	**VoIP**	Voice over Internet Protocol	Truyền tiếng nói qua giao thức Internet

DANH MỤC CÁC BẢNG

DANH MỤC CÁC HÌNH